

Số: 95 /TTr-SKHĐT

Bắc Giang, ngày 28 tháng 9 năm 2018

## TỜ TRÌNH

### **Đề nghị ban hành Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh tỉnh Bắc Giang đến năm 2030**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh;

Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20 tháng 3 năm 2014 phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh ban hành nội dung, chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2018,

Sau khi tiếp thu ý kiến tham gia của các đại biểu dự phiên họp thường kỳ UBND tỉnh tháng 9/2018 và ký kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 với các nội dung sau:

#### **I. Sự cần thiết xây dựng Kế hoạch**

Hiện nay, tăng trưởng xanh đang trở thành sự quan tâm hàng đầu của các quốc gia trên thế giới, và sự phát triển bền vững là mục tiêu hàng đầu. Tăng trưởng xanh đang là một đòi hỏi cấp thiết ở nước ta hiện nay. Do đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/3/2014 phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 – 2020.

Là một tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc và trong bối cảnh của những diễn biến về phát triển kinh tế - xã hội và biến đổi khí hậu, tỉnh đã, đang và sẽ phải phải đối mặt với nhiều thách thức. Trước hết đó là sự gia tăng ô nhiễm môi trường, trình độ phát triển, hiệu quả sản xuất và tiêu dùng thấp, các mô hình sản xuất và tiêu dùng còn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về tính “thân thiện với môi trường”. Nhận thức và sự tham gia của xã hội vào các hoạt động tăng trưởng xanh còn hạn chế. Trong khi đó, tỉnh chưa có những nghiên cứu khoa học, hoặc các công trình khảo sát, đánh giá toàn diện về tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.

Do vậy, việc xây dựng Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh là yêu cầu cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Kế hoạch hành động này được xây dựng dựa trên cơ sở đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, diễn biến chống biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường của tỉnh.

## **II. Mục đích, yêu cầu**

Mục đích của việc xây dựng Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh của Bắc Giang là xác định các phương án và hành động cần được thực hiện trong thời gian tới, nhằm đưa Bắc Giang phát triển theo hướng giảm phát thải khí nhà kính, môi trường được bảo vệ, các nguồn tài nguyên được sử dụng một cách hiệu quả, năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu được tăng cường.

Các nội dung của Kế hoạch phải đảm bảo phù hợp với Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh. Đồng thời, phải đảm bảo được tính logic, thống nhất với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế đến năm 2030. Phải chỉ ra được những nhiệm vụ, giải pháp một cách cụ thể, thực tiễn gắn với trách nhiệm, thời gian thực hiện của các cấp, các ngành, địa phương; đồng thời huy động được sự tham gia đồng bộ của hệ thống chính trị và mọi tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện các mục tiêu về tăng trưởng xanh.

## **III. Nội dung chủ yếu của Kế hoạch**

### **Phần 1: Thực trạng tăng trưởng xanh tỉnh Bắc Giang**

Qua phân tích, đánh giá thực trạng về tài nguyên và môi trường, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2011-2017 theo hướng Tăng trưởng xanh, có thể rút ra một số nhận định, đánh giá:

#### **1. Những kết quả đạt được**

Mặc dù tỉnh Bắc Giang chưa xây dựng kế hoạch hành động tăng trưởng xanh song Tỉnh đã có sự lồng ghép các mục tiêu tăng trưởng xanh trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Tỉnh đã có sự quan tâm đến việc đầu tư cho các hoạt động phục vụ tăng trưởng xanh như thu hút các dự án sử dụng tiết kiệm đất đai, tiêu tốn ít hơn các nguồn tài nguyên thiên nhiên; tăng kinh phí hoạt động cho các cơ quan quản lý môi trường, cải thiện trang thiết bị, tăng dần mức chi ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường và đối phó với biến đổi khí hậu.

Các loại hình hạ tầng quan trọng như giao thông, điện, nước, viễn thông đã và đang được tỉnh đầu tư hoàn thiện, đặc biệt là hạ tầng giao thông, các khu, cụm công nghiệp, đô thị... tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Các nguồn tài nguyên ngày càng được bảo vệ tốt hơn. Việc thu gom, xử lý rác thải được quan tâm.

Bảo vệ môi trường tại các khu vực đô thị, nông thôn, khu công nghiệp có bước chuyển biến tích cực. Các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường được coi trọng. Các hoạt động kiểm tra, giám sát các nguồn gây ô nhiễm môi trường ngày càng được tăng cường. Việc xử lý các vi phạm của các cơ sở gây ô nhiễm môi trường kiên quyết hơn.

## **2. Những tồn tại, hạn chế chủ yếu**

Việc huy động vốn đầu tư xanh chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển, kể cả vốn ngân sách nhà nước, vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước và trong nhân dân. Quy mô sản xuất một số sản phẩm nông nghiệp xanh của Tỉnh còn rất nhỏ, chất lượng và sức cạnh tranh chưa cao. Hệ thống kết cấu hạ tầng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Do điều kiện kinh tế còn khó khăn, đầu tư cho các công trình xử lý rác thải, nước thải, cấp nước sạch còn thấp. Nhiều điểm ô nhiễm môi trường còn chưa được xử lý, khắc phục dứt điểm, trong đó, đặc biệt nghiêm trọng là ô nhiễm do tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, ô nhiễm tại các làng nghề. Hoạt động khai thác khoáng sản trái phép vẫn đang diễn ra tại một số địa bàn. Nguy cơ ô nhiễm, suy thoái nguồn nước mặt, nước ngầm tăng nông do khai thác quá mức, chưa được quản lý chặt chẽ đang đòi hỏi phải có các biện pháp bảo vệ thích hợp.

Nội dung các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch của Tỉnh đã được ban hành còn chưa được rà soát kỹ lưỡng nhằm phát hiện những điểm chưa phù hợp với định hướng tăng trưởng xanh. Mặc dù các mục tiêu về tăng trưởng xanh đã được lồng ghép trong các quy hoạch và kế hoạch song kết quả thực hiện còn hạn chế, chưa có sự quan tâm của các cấp, các ngành và chưa xác định thứ tự ưu tiên cho các hoạt động, chương trình, dự án tăng trưởng xanh.

Chưa có các cơ chế, chính sách quy định cho việc phân bổ và quản lý ngân sách của Tỉnh phục vụ các mục tiêu tăng trưởng xanh.

### **Phần 2: Quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp tăng trưởng xanh tỉnh Bắc Giang đến năm 2030**

#### **1. Quan điểm**

(1) Tăng trưởng xanh là nội dung quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững của tỉnh, là quyết tâm của địa phương để thực hiện các Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh và chống biến đổi khí hậu.

(2) Tăng trưởng xanh gắn liền với chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế, đưa kinh tế Bắc Giang từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu, dựa trên cơ sở khoa học và công nghệ hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao.

(3) Tăng trưởng xanh được thực hiện dựa trên tăng cường đầu tư vào bảo tồn, phát triển và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn tự nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường, qua đó kích thích tăng trưởng kinh tế.

(4) Tăng trưởng xanh được thực hiện bởi con người và vì con người, góp phần tạo việc làm, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường và tiêu dùng bền vững.

(5) Tăng trưởng xanh được xây dựng phù hợp với các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, của vùng, của cả nước, phù hợp với các chiến lược, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực có liên quan.

(6) Các hoạt động tăng trưởng xanh của Tỉnh bảo đảm đạt được sự kết hợp giữa yêu cầu trước mắt với lợi ích lâu dài, có những bước đi thích hợp, cụ thể, với trật tự

ưu tiên và các bước đột phá được xác định rõ, nhưng vẫn có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình, hoàn cảnh mới, có tính đến các mối quan hệ liên ngành, liên vùng, đáp ứng yêu cầu chia sẻ kinh nghiệm cả trong Tỉnh và ở tầm quốc gia.

(7) Trong Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh của Tỉnh, vai trò của các bên liên quan bao gồm cả các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội dân sự và của cộng đồng người dân cần được xác định rõ.

## 2. Mục tiêu tổng quát

Đảm bảo thực hiện có hiệu quả Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế nhanh và bền vững, với trọng tâm là phát triển các cụm ngành kinh tế trọng điểm theo hướng xanh hóa, hướng đến nền kinh tế cacbon thấp, tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, tài nguyên thiên nhiên, làm giàu vốn tự nhiên. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước tiến tới hiện đại. Cải thiện các vấn đề môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và chất lượng cảnh quan. Xây dựng lối sống thân thiện với môi trường. Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

## 3. Mục tiêu cụ thể

Các mục tiêu về tăng trưởng xanh đến năm 2030 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đến năm 2020	Đến năm 2025	Đến năm 2030
<b>I</b>	<b>Sử dụng tiết kiệm năng lượng</b>				
1	Mức giảm tiêu hao năng lượng điện để sản xuất ra một đơn vị GRDP	%/năm	0,6	1,9	1,9
<b>II</b>	<b>Xanh hóa sản xuất</b>				
1	Tỷ lệ nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	80	85-90	90-95
2	Tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường	%	100	100	100
3	Tỷ lệ KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường	%	100	100	100
4	Tỷ lệ CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường	%	50	80	100
5	Tỷ lệ sản xuất đạt các tiêu chuẩn:				

	<i>Tỷ lệ diện tích Vải thiều theo tiêu chuẩn Globgap, VietGap...</i>	%	50	60	65
	<i>Tỷ lệ diện tích rau chế biến, rau an toàn trong tổng diện tích rau màu</i>	%	40	72	80
	<i>Chăn nuôi gà đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm/tổng đàn</i>	%	40	53	70
	<i>Chăn nuôi lợn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm/tổng đàn</i>	%	40	50	60
<b>III</b>	<b>Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững</b>				
1	Tỷ lệ xã đạt chuẩn vệ sinh môi trường theo tiêu chí nông thôn mới	%	59	70-75	90
2	Tỷ lệ nước thải, chất thải y tế tại các bệnh viện được thu gom	%	100	100	100
3	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt đạt quy chuẩn QCVN:02/2009/BYT	%	80	85	90
4	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom	%	98,5	100	100
	<i>Trong đó: Tỷ lệ thu gom được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường</i>	%	100	100	100
5	Tỷ lệ chất thải rắn nông thôn được thu gom	%	70	80	90
	<i>Trong đó: Tỷ lệ thu gom được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường</i>	%	95	97	100
6	Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	38	38	38
7	Giảm khối lượng túi nilon sử dụng tại các siêu thị, trung tâm thương mại so với năm 2015	%	10	30	65
8	Tỷ lệ dân cư hiểu biết, có kiến thức cơ bản về ứng phó, thích nghi với BĐKH	%	20	50	90
9	Tỷ lệ đô thị có diện tích cây xanh đạt tiêu chuẩn	%	30	100	100

CHỦ  
 SỞ  
 NỘI  
 VÀ  
 AU  
 (BK)

## **4. Định hướng**

### *4.1. Về sử dụng tiết kiệm năng lượng*

Tuyên truyền việc sử dụng tiết kiệm năng lượng, việc sử dụng năng lượng mặt trời trong sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt.

Nâng cao năng lực quản lý năng lượng trong công nghiệp, hiệu suất sử dụng năng lượng của các doanh nghiệp. Khuyến khích sử dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất để sử dụng tiết kiệm năng lượng.

### *4.2. Về xanh hóa sản xuất*

Nâng cao chất lượng, hiệu quả tăng trưởng kinh tế thông qua việc nâng cao chất lượng các dự án thu hút đầu tư, ưu tiên thu hút các dự án sử dụng công nghệ hiện đại, sử dụng tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường.

Phát triển kinh tế theo hướng xanh hóa, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng. Phát triển các ngành sản xuất xanh mới, ưu tiên phát triển các ngành sản xuất ít tác động đến môi trường và tài nguyên. Hạn chế và giảm dần các ngành hoặc các hoạt động kinh tế phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm môi trường.

Hình thành và phát triển cơ cấu “kinh tế xanh” trên cơ sở đẩy mạnh phát triển các ngành sản xuất sử dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra giá trị gia tăng lớn, sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, chống chịu hiệu quả hơn với biến đổi khí hậu.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Tỉnh theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp; hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng xanh hóa các ngành hiện có và khuyến khích phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao.

Xây dựng nền nông nghiệp xanh, ứng dụng công nghệ sản xuất hiện đại, phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ, hạn chế sử dụng các chất vô cơ nhằm chống thoái hóa đất và giảm phát thải khí nhà kính. Đẩy mạnh phát triển kinh tế rừng, tạo lá phổi xanh và bể hấp thụ cacbon.

Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất và sinh hoạt. Chủ động, sáng tạo, nắm bắt cơ hội của cách mạng công nghiệp 4.0, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công nghệ hiện đại, sạch và thân thiện với môi trường cần được ưu tiên sử dụng rộng rãi trong các ngành sản xuất.

Nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên trong phát triển kinh tế với mục tiêu giảm cường độ, tăng năng suất sử dụng, chú trọng đến khía cạnh tái tạo, tái sinh tài nguyên. Sử dụng tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản một cách hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

### *4.3. Về xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững*

Nâng cao nhận thức của nhân dân để từng bước thay đổi hành vi tiêu dùng. Xây dựng lối sống thân thiện với môi trường thông qua tạo nhiều việc làm xanh từ các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, đầu tư vào vốn tự nhiên, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội xanh.

Đầu tư giải quyết hiệu quả các vấn đề ô nhiễm môi trường. Kiểm chế tốc độ gia tăng ô nhiễm môi trường do các hoạt động kinh tế gây ra. Giải quyết dứt điểm các điểm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Phát triển đô thị theo hướng xanh hóa. Di chuyển các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi khu dân cư, trọng tâm là thành phố Bắc Giang.

## **5. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện đến năm 2030**

### *5.1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao năng lực và thể chế*

Trên cơ sở Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh của tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh của đơn vị mình, tổ chức phê chuẩn và triển khai thực hiện.

Rà soát nội dung các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển nhằm phát hiện những điểm chưa phù hợp với các mục tiêu, định hướng tăng trưởng xanh, đề xuất các nội dung cần điều chỉnh.

Xây dựng khung hướng dẫn lồng ghép tăng trưởng xanh vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ngành và địa phương và triển khai thực hiện trong kế hoạch hàng năm và 05 năm, đặc biệt là các chỉ tiêu về sản xuất sạch, an toàn, tiêu dùng bền vững như sản xuất đạt các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, vệ sinh an toàn thực phẩm...

Kiên toàn bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm đáp ứng các yêu cầu thực tế đang ngày càng đa dạng và phức tạp. Nâng cao năng lực của hệ thống quản lý nhà nước về chống biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, đặc biệt năng lực của các cấp dưới (cấp huyện, xã). Tăng cường công tác kiểm tra, đặc biệt là kiểm tra đột xuất, xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường theo quy định.

Xây dựng quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030; rà soát, điều chỉnh quy hoạch đô thị và thiết kế đô thị theo hướng cơ sở hạ tầng xanh nhằm xây dựng đô thị xanh, bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu và tạo môi trường sống xanh. Quy hoạch, xây dựng nông thôn theo các tiêu chuẩn nông thôn mới, đáp ứng được yêu cầu sống tốt, thân thiện với môi trường; tăng cường diện tích cây xanh, sử dụng vật liệu xanh và tiết kiệm năng lượng.

Hoàn thiện quy định về định mức thu gom, vận chuyển và chế biến rác, phí thu gom, vận chuyển và chế biến rác thải; nghiên cứu thu phí xử lý nước thải qua giá nước sinh hoạt; áp dụng các cơ chế, chính sách khuyến khích sử dụng vật liệu tái chế, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường trong lĩnh vực xây dựng.

Áp dụng các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các phương tiện cơ giới tiết kiệm nhiên liệu; khuyến khích xử lý chất thải bằng các công nghệ tiên tiến tại các khu vực đô thị và công nghiệp lớn của Tỉnh.

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban ngành, các địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ và hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Xây dựng và áp dụng các tiêu chí rõ ràng cho việc xác định thứ tự ưu tiên cho các hoạt động, chương trình, dự án tăng trưởng xanh. Xây dựng mô hình điển hình về tăng trưởng xanh trong từng lĩnh vực để hướng tới nhân rộng.

Cải thiện việc trao đổi thông tin, số liệu phục vụ cho việc theo dõi, đánh giá và báo cáo thường xuyên về thực trạng tăng trưởng, quản lý môi trường và tài nguyên trên địa bàn. Xây dựng các tiêu chí khung hoặc phương án cho việc theo dõi, đánh giá và báo cáo thực hiện Chiến lược và Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của Tỉnh.

Đẩy mạnh hợp tác, tài trợ quốc tế đa phương và song phương về xây dựng mô hình phát triển xanh, mô hình sinh thái, phát triển nguồn nhân lực cho tăng trưởng xanh. Phát triển mạng lưới các tổ chức tư vấn kỹ thuật, các tổ chức ngoài nhà nước hoạt động trong lĩnh vực thúc đẩy tăng trưởng xanh.

### *5.2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao nhận thức*

Phát huy vai trò của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể, các cơ quan và phương tiện thông tin đại chúng trong tuyên truyền vận động và thông tin về biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, về lợi ích sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, về giao thông công cộng, về ứng dụng năng lượng sạch và năng lượng tái tạo, nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân, cộng đồng về Chiến lược tăng trưởng xanh.

Mở chuyên mục định kỳ tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh, phát triển bền vững trên Đài PTTH tỉnh, Báo Bắc Giang.

Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và các hộ kinh doanh về đảm bảo an toàn cho môi trường trong sản xuất kinh doanh, giảm phát thải khí nhà kính, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên; sự cần thiết và lợi ích của việc sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng. Phát động phong trào tiêu dùng tiết kiệm (trước hết là đối với nước, điện), chống lãng phí, bảo vệ và làm giàu thêm tài nguyên và của cải xã hội. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; nhận thức về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu cho toàn xã hội.

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về lợi ích của giao thông công cộng. Tăng cường thời lượng tuyên truyền nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng và tiêu dùng bền vững.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt ở cấp huyện, cấp xã về phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh.

Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt nguồn nhân lực phục vụ thực hiện chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh; thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài xây dựng các cơ sở đào tạo chất lượng cao, đa ngành tại Tỉnh.

Nghiên cứu, lựa chọn, lồng ghép các nội dung giảng dạy về tăng trưởng xanh, công nghệ xanh, khai thác tài nguyên bền vững, giảm phát thải khí nhà kính... vào



các cấp học, bậc học phù hợp. Xây dựng các chương trình chính khóa, ngoại khóa về tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững cho học sinh, sinh viên các trường trên địa bàn Tỉnh, kể cả các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị, quản lý nhà nước cho các cán bộ trong Tỉnh.

Tổ chức sơ kết nhằm kiểm điểm, đánh giá nghiêm túc về các kết quả đạt được, xác định rõ các ưu khuyết điểm, tồn tại và nguyên nhân, trách nhiệm của từng sở, ngành, từng địa phương trong thực hiện tăng trưởng xanh. Đưa nội dung kiểm điểm thực hiện tăng trưởng xanh vào các báo cáo tổng kết, đánh giá định kỳ của ác sở, ngành địa phương.

### *5.3. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về giảm cường độ phát thải khí nhà kính*

#### *5.3.1. Trong nông, lâm nghiệp và thủy sản*

Cụm ngành nông nghiệp sẽ được phát triển theo hướng “xanh hóa”, giảm phát thải khí nhà kính thông qua phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng phương pháp canh tác tiết kiệm tài nguyên, nhất là tài nguyên đất và nước, hướng tới phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ; nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp. Xây dựng các hệ thống quản lý nước để ngăn chặn xói mòn; áp dụng các biện pháp tưới tiêu tiết kiệm nước gắn với nâng cao hiệu quả tưới tiêu; nghiên cứu các biện pháp tăng nguồn cung nước; hạn chế sử dụng các loại phân bón và chất bảo vệ thực vật hóa học. Hạn chế các tập quán sản xuất có hại cho môi trường (sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học không theo quy trình, đốt rơm rạ sau khi thu hoạch...).

Chọn giống lúa ngắn ngày có năng suất, chất lượng cao và có khả năng chống chịu với điều kiện thời tiết bất lợi; áp dụng chương trình 3 giảm 3 tăng. Chuyển đổi lúa năng suất thấp sang trồng cây rau màu có giá trị kinh tế cao, cây lâu năm.

Đẩy mạnh hoạt động trồng mới, bảo vệ và phát triển rừng, tăng diện tích rừng để hấp thụ các-bon. Nghiên cứu và đưa vào ứng dụng các loại cây có sức đề kháng cao, phù hợp với điều kiện địa chất, khí hậu của tỉnh.

Tập trung bảo vệ diện tích rừng hiện có, đặc biệt là các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, nghiên cứu chuyên một số khu vực từ rừng kinh tế sang rừng phòng hộ. Tiếp tục thực hiện hỗ trợ kinh phí thực hiện công tác khoán chăm sóc, bảo vệ và phát triển, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên. Phát triển rừng sản xuất hướng tới mục tiêu truy suất được nguồn gốc. Đảm bảo trồng mới để thay thế diện tích rừng bị mất do quá trình xây dựng. Có sự lựa chọn chiến lược các khu rừng cho năng suất cao để trồng mới và tăng độ che phủ rừng; chuyển đổi trồng các loại cây gỗ lớn để nâng cao chất lượng rừng hiện có. Tăng cường trồng cây phân tán để nâng độ che phủ của cây xanh.

Sắp xếp, kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về lâm nghiệp, chuyển đổi các công ty lâm nghiệp; đấu tranh chống nạn phá rừng; sử dụng các phương pháp khai thác và vận chuyển gây tác động thấp nhất đến môi trường.

Phát triển sản xuất thủy sản theo hướng bền vững, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất thủy sản, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, từng bước tiến tới

nuôi an toàn sinh học, nuôi VietGAP vừa đảm bảo về năng suất, vừa kiểm soát dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm cho sản phẩm, nâng cao tính cộng đồng và hiệu quả tổng hợp của nghề nuôi cá. Kết hợp chặt chẽ sản xuất thủy sản với tiêu thụ sản phẩm và bảo vệ phát triển nguồn lợi thủy sản.

Phát triển chăn nuôi có kiểm soát. Tận dụng phụ phẩm sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản làm phân hữu cơ. Thực hiện xử lý phân gia súc bằng hầm khí sinh học và các quy trình công nghệ phù hợp. Kiểm soát chặt chẽ việc xả thải của các dự án, trang trại chăn nuôi quy mô lớn, đặc biệt là chăn nuôi lợn.

### *5.3.2. Trong công nghiệp và năng lượng*

Thực hiện hiện đại hóa công nghệ để giảm thiểu tiêu thụ nhiên liệu, tài nguyên. Hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch bằng cách sử dụng các máy móc chạy điện, tăng cường sử dụng nhiên liệu sinh học nhằm giảm phát thải khí nhà kính. Phấn đấu để đến năm 2020, tất cả các khu công nghiệp phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện, đầu tư hoàn thiện công trình xử lý môi trường trước khi thu hút dự án đầu tư thứ cấp vào hoạt động.

Xây dựng kế hoạch, lộ trình xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đối với các cụm công nghiệp. Yêu cầu các cụm công nghiệp tạm dừng hoạt động nếu không thực hiện việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Tăng nguồn cung cấp điện phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh gắn với việc bảo vệ môi trường trong phát triển và vận hành các nguồn cung cấp điện. Cải tạo và nâng cấp lưới điện hiện có; từng bước nâng cấp chất lượng lưới điện nhằm giảm tổn thất điện. Quản lý năng lượng, giảm tiêu hao điện trong sản xuất công nghiệp. Phát triển, khuyến khích sử dụng vật liệu xây dựng không nung trong hoạt động xây dựng.

Thu hút đầu tư phát triển các nguồn lực lượng tái tạo như điện mặt trời. Khuyến khích sử dụng năng lượng mặt trời trong sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt thông qua việc lắp đặt các tấm pin năng lượng mặt trời trên mái nhà, góp phần nâng tỷ trọng sử dụng năng lượng tái tạo.

Khuyến khích sử dụng bếp khí sinh học thay thế bếp củi khu vực nông thôn, sử dụng điều hòa hiệu suất cao (inverter) ở các hộ gia đình thành thị, sử dụng đèn tiết kiệm năng lượng ở các hộ gia đình nông thôn, sử dụng các sản phẩm đã được dán nhãn tiết kiệm năng lượng. Khuyến khích sử dụng bình đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời ở các hộ gia đình thành thị.

### *5.3.3. Trong dịch vụ*

Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông bền vững: Xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, có khả năng kết nối các vùng trong tỉnh và với các tỉnh/vùng lân cận. Ưu tiên đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trọng điểm (QL1A, QL31, 37, 17, một số tuyến đường tỉnh quan trọng như 293, 295, 289, đường vành đai IV Hà Nội, cầu kết nối các trục giao thông quan trọng...).

Khuyến khích sử dụng đèn LED cho khách sạn, văn phòng, đèn tuýp gầy cho công sở nhà nước, trường học, nhà hàng; sử dụng thiết bị đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời cho khách sạn nhỏ.

Sử dụng đèn LED cho chiếu sáng đường phố; Khuyến khích phát triển xe buýt điện; Khuyến khích phát triển và sử dụng xe taxi điện. Tuyên truyền việc sử dụng nhiên liệu sinh học cho xe máy.

#### 5.4. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về xanh hóa sản xuất

Thực hiện tái cơ cấu các ngành kinh tế theo hướng phát triển các ngành sản xuất xanh, ưu tiên phát triển các ngành sản xuất ít tác động đến môi trường và tài nguyên. Hạn chế và giảm dần các ngành hoặc các hoạt động kinh tế phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm môi trường. Quản lý quá trình công nghiệp hóa theo hướng bảo tồn tài sản thiên nhiên và phục hồi tự nhiên.

Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ, khuyến khích đổi mới, áp dụng công nghệ sạch trong sản xuất, tập trung vào các ngành sản xuất có tỷ trọng lớn, có ảnh hưởng lớn đến môi trường. Nâng cao chất lượng thẩm định công nghệ, báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của các dự án đầu tư.

Sử dụng công nghệ hiện đại trong khai thác và chế biến khoáng sản nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, chế biến và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Quản lý chặt chẽ việc khai thác khoáng sản, đặc biệt là việc khai thác các mỏ đất phục vụ san lấp mặt bằng, khai thác cát, sỏi lòng sông.

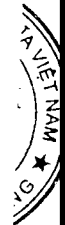
Khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh nghiên cứu, thiết kế, sử dụng các bao bì thân thiện với môi trường. Từng bước sử dụng vật liệu tái chế, vật liệu hữu cơ thay thế vật liệu vô cơ, vật liệu khó có khả năng phân hủy trong môi trường tự nhiên.

Thực hiện tái chế chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt với quy mô lớn, bao gồm cả tái sử dụng phụ phẩm và phế liệu (trước mắt là việc tái chế, sử dụng tro, xỉ của các nhà máy nhiệt điện). Hỗ trợ các dự án đầu tư tư nhân vào công nghệ tái chế. Đẩy nhanh tiến độ lựa chọn các nhà đầu tư có năng lực, công nghệ phù hợp đầu tư các nhà máy chế biến rác tập trung tại thành phố Bắc Giang, huyện Hiệp Hòa, Lục Nam.

Hỗ trợ về kỹ thuật để thực hiện các hoạt động khắc phục ô nhiễm ở các làng nghề, hướng tới mục tiêu loại bỏ các công nghệ lạc hậu tại các làng nghề. Rà soát, hướng tới mục tiêu loại bỏ các công nghệ sản xuất không đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường.

Xây dựng bộ tiêu chí và hướng dẫn sản xuất sạch hơn cho các doanh nghiệp trong tỉnh; khuyến khích các doanh nghiệp bố trí cán bộ chuyên trách về bảo vệ môi trường để giám sát quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Hạn chế tác động tiêu cực của việc mở rộng, phát triển các khu, cụm công nghiệp và giám sát các tác động tiêu cực của hoạt động này.

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên cơ sở quy hoạch, phát triển các vùng sản xuất nông lâm thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa



bền vững, thân thiện với môi trường. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất và tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp. Tuyên truyền tác hại của việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp nằm trong danh mục khuyến cáo hạn chế sử dụng, hướng tới chấm dứt sử dụng.

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tiết kiệm nước và điện năng trong tưới tiêu. Tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học. Mở rộng việc áp dụng nông nghiệp hữu cơ. Phổ cập quy trình phòng trừ sâu bệnh tổng hợp (IPM). Tăng cường ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo quản, chế biến nông, lâm sản.

Xây dựng các đập và hồ chứa nước, kiểm soát lũ và điều tiết việc sử dụng nước trong thời kỳ hạn hán; nâng cấp và mở rộng hệ thống thủy lợi. Tiếp tục hỗ trợ các nhà đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch, nước sinh hoạt, đặc biệt là các khu công nghiệp trọng điểm, đô thị, khu vực khó khăn về nguồn nước ở nông thôn.

Khuyến khích phát triển các trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ xanh, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ xanh, quy trình sản xuất sạch hơn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tái sử dụng, tái chế (các phế phẩm từ khai khoáng). Xử lý nước để bảo vệ nguồn nước ngầm, nước mặt. Theo dõi và đánh giá các chất gây ô nhiễm trong nguồn cung cấp nước. Thực hiện phân bổ, sử dụng nguồn nước, hạn chế tối đa việc xả thải vào nguồn nước. Kiểm soát, tiến tới chấm dứt việc sử dụng giếng khoan tùy tiện tại khu vực nông thôn, không trám, lấp giếng khoan khi không sử dụng. Phối hợp với các tỉnh trong việc xử lý ô nhiễm các lưu vực sông trên địa bàn, nhất là lưu vực sông Cầu. Từng bước chuyển đổi nguồn cấp nước cho các nhà máy nước sạch từ nguồn nước sông có nguy cơ ô nhiễm sang nguồn nước sạch hơn ở các hồ lớn thuộc các khu vực ít ô nhiễm môi trường.

Xây dựng và triển khai mạng lưới quan trắc môi trường định kỳ, hệ thống quan trắc môi trường tự động, đặc biệt là tại các doanh nghiệp sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao như các nhà máy nhiệt điện, sản xuất, chế biến thực phẩm... Tập trung xử lý các vấn đề về môi trường tại các khu, cụm công nghiệp.

*5.5. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững*

- *Xây dựng đô thị bền vững*: Xanh hóa cảnh quan đô thị, hướng đến đô thị thông minh, bền vững. Tăng cường đầu tư và cải thiện bảo vệ và phát triển các khoảng không gian xanh công cộng và khuyến khích cộng đồng, doanh nghiệp và các hộ gia đình thực hiện các giải pháp xanh hóa cảnh quan đô thị. Đưa các yếu tố an sinh và bền vững vào cảnh quan đô thị. Đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu đô thị, khu dân cư tập trung.

Rà soát quy hoạch các khu đô thị như TP. Bắc Giang, các thị trấn, điều chỉnh các quy hoạch này theo cách tiếp cận của một “đô thị xanh”, yêu cầu bố trí đủ diện tích cây xanh, mặt nước theo quy chuẩn; đồng thời, trong quá trình thực hiện phải đảm bảo theo đúng quy hoạch đã được duyệt. Thực hiện mô hình phân loại và xử lý rác thải, đặc biệt là rác thải sinh hoạt và rác thải bệnh viện, rác thải độc hại.

Triển khai việc áp dụng công nghệ cao vào xử lý chất thải. Hỗ trợ đầu tư cải tiến công nghệ, hiện đại hóa thiết bị thu gom, xử lý nước thải. Di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi khu vực đông dân cư (trọng tâm thời gian tới là di dời các cơ sở trên địa bàn thành phố Bắc Giang như Công ty cổ phần Habada, Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Bắc Giang, Hợp tác xã cơ khí vật liệu xây dựng Thành Phát...).

Xây dựng mới và nâng cấp công viên cây xanh, chú trọng phân bố công viên xanh ở các khu vực trung tâm thành phố, các khu dân cư lớn và khu công nghiệp.

- *Thúc đẩy tiêu dùng bền vững*: Nâng cao nhận thức của người dân để từng bước thay đổi hành vi tiêu dùng; thực hiện tốt việc quản lý chất lượng nguồn nước, tiến tới giải quyết dứt điểm tình trạng ô nhiễm theo nguồn thải. Khuyến khích tiêu dùng theo hướng tiết kiệm, tái chế, tái sử dụng. Tuyên truyền về tác hại của việc sử dụng bao bì nilon, khuyến khích hạn chế việc sử dụng bao bì nilon trong sinh hoạt và tiêu dùng, đặc biệt là đối với các siêu thị, trung tâm thương mại, hướng tới mục tiêu giảm 65% túi nilon sử dụng tại các siêu thị và trung tâm thương mại vào năm, 2030 và loại bỏ hoàn toàn trong thời gian tiếp theo.

Khuyến khích, hỗ trợ kỹ thuật để người dân, cộng đồng triển khai, mở rộng quy mô các mô hình sản xuất thân thiện với môi trường. Khuyến khích các doanh nghiệp tiết kiệm điện, nước và tái chế chất thải. Xây dựng kế hoạch cung cấp nước bền vững cho mỗi cụm ngành sản xuất, bao gồm cả các nội dung về tái sử dụng, tái chế và xử lý nước đã qua sử dụng.

Nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp về các hành vi và cách thức sản xuất có lợi cho môi trường, đặc biệt trong các lĩnh vực liên quan đến vệ sinh, quản lý và xử lý chất thải. Khuyến khích các doanh nghiệp lập kế hoạch và thực hiện tái chế và tái sử dụng chất thải.

Tăng cường giáo dục về tầm quan trọng của việc giảm thiểu chất thải và cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường ở các khu vực nông thôn. Khuyến khích áp dụng các biện pháp kỹ thuật giảm phát thải và tăng tái chế chất thải.

Mở rộng diện tích cây xanh, thảm thực vật tại các khu vực đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Nhân rộng mô hình xây dựng làng, nhà ở sinh thái phù hợp với điều kiện khí hậu, phong tục tập quán, lối sống của từng dân tộc và địa phương.

Khoanh vùng đất và áp dụng các biện pháp ứng phó biến đổi khí hậu để giảm thiểu các khu dân cư khu vực miền núi dễ bị tổn thương do lũ quét, sạt lở đất.

Thúc đẩy hoạt động dán nhãn sinh thái và quảng bá các thông tin về các sản phẩm thân thiện với môi trường. Xây dựng và đưa vào áp dụng cơ chế để ràng buộc chỉ tiêu công với các tiêu chí “kinh tế xanh”.

Tăng cường tuyên truyền về công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, phát huy vai trò của Ban chỉ đạo các cấp. Thực hiện nghiêm việc xử lý vi phạm trong lĩnh vực đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

## 5.6. Nhóm giải pháp về huy động nguồn lực

Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách cụ thể cho huy động và quản lý có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển bền vững và tăng trưởng xanh. Thu hút các nguồn vốn vay, ODA, hỗ trợ kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh.

Nhà nước dành nguồn lực thỏa đáng để thực hiện các mục tiêu tăng trưởng xanh, đặc biệt cho việc nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, năng lượng tái tạo, hướng tới mục tiêu đảm bảo chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường không dưới 1% tổng chi ngân sách hàng năm.

Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân triển khai các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo tiêu chí tăng trưởng xanh.

## 6. Tổ chức thực hiện

Trên cơ sở Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh của tỉnh, các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố chủ động tổ chức triển khai thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, cụ thể như sau:

*(Kèm theo Phụ lục phân công nhiệm vụ kèm theo)*

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính trình UBND tỉnh xem xét, thông qua để tổ chức thực hiện./.

*(Kèm theo Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh tỉnh Bắc Giang đến năm 2030)*

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THQH.
- \* Bản điện tử:
  - VP UBND tỉnh;
  - Các DB dự họp;



**Trịnh Hữu Thắng**